

Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều **55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117** Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **07** tháng **12** năm 2020

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **13/2020/TLST-**
HNGĐ ngày **19** tháng **11** năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lương Thị L, sinh năm: 1988

2. Anh Lê Duy T, sinh năm: 1980

Đều cư trú tại: Bản Nà Dân, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Duy T và chị Lương Thị L tự nguyện tìm hiểu trên tinh thần tự
nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/8/2013 tại UBND xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng
Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số
54/2013 ngày 14/8/2013 của UBND xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh
Thanh Hóa cấp cho chị L và anh T xác nhận hôn nhân của anh chị là hôn nhân
hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn sống chung hạnh phúc được 05
năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng
quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ đầu năm
2020 đến nay. Ngày 18/11/2020 anh T và chị L cùng yêu cầu Tòa án nhân dân
huyện T công nhận chị L và anh T thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu
công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con các đương sự đã nộp các tài
liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân

của chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/12/2020 giữa chị Lương Thị L và anh Lê Duy T xác định chị L và anh T thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Lê Duy T và chị Lương Thị L xác nhận có hai con chung là Lê Kim Ngọc, sinh ngày 26/7/2014 và Lê Vĩ Bình, sinh ngày 24/02/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng mẹ là chị Lương Thị L.

Anh Lê Duy T và chị Lương Thị L thỏa thuận: Chị Lương Thị L là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả **hai** con chung Lê Kim Ngọc và Lê Vĩ Bình cho đến khi cháu Ngọc, cháu Bình thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên khi ly hôn: Chị L và anh T tự thỏa thuận anh Lê Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/01 tháng/01 cháu, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 20/12/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Xét thấy thỏa thuận về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung chưa thành niên do vậy cần xem xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Lê Duy T và chị Lương Thị L không có yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con con chung chưa thành niên khi ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung. Sự thỏa thuận của các đương sự đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con chưa thành niên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Duy T và chị Lương Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Lương Thị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả **hai** con chung là Lê Kim Ngọc, sinh ngày 26/7/2014 và Lê Vĩ Bình, sinh ngày 24/02/2017 cho đến khi cháu Ngọc, cháu Bình thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận anh Lê Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/01 tháng/01 cháu, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 20/12/2020 (dương lịch) cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động. Trường hợp anh Lê Duy T chậm trả tiền thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung được sống chung với chị L. Chị L có quyền yêu cầu anh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Lê Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị L và anh Lê Duy T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó người yêu cầu là anh Lê Duy T và chị Lương Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh Lê Duy T và chị Lương Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: AA/2016/0000235 ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a , Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- đương sự;
- Tòa án tỉnh Lai Châu
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện T
- Chi cục THA Dân sự huyện T
- UBND xã Hoàng Lư, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng